TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày: 02-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Xuân Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 1 Đ, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 8 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị Thu C, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án số 302/2023/HS-ST ngày 25-10-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22-10-2024, đã thực hiện xong các quyết định khác của Bản án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 29-7-2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 – Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H *(có mặt)*.

2. Lê Văn T2, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 1 L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị C1, sinh năm 1951 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 29-7-2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 – Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H *(có mặt)*.

3. Phan Văn P, sinh năm 1966 tại tỉnh Thành phố H2; nơi thường trú: Không đăng ký thường trú; nơi ở hiện tại: Không có chỗ ở nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M (không rõ năm sinh, đã chết) và bà Nguyễn Thị B (không rõ năm sinh, đã chết); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân:

1. Từ năm 1977 đến 1996 bị xử phạt 08 lần về các hành vi "Cướp giật tài sản của công dân", "Trộm cắp tài sản của công dân", "Trốn trường (Giáo dưỡng, CSGD, CBLĐ)" (đã hết thời hiệu).

2 Bản án 1909/HSST ngày 18-7-2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân về tội "Giết người", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30-12-2016, đã thực hiện xong các quyết định khác của Bản án.

3. Quyết định số 362/QĐ-TA ngày 28-10-2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt ngày 24-7-2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 – Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H *(có mặt)*.

- *Người làm chứng:* Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1989; nơi thường trú: 1 X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14-7-2025, tại khu vực trước số nhà B H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an phường V tuần tra, kiểm soát phát hiện 03 đối tượng gồm Lê Văn T2, Nguyễn Minh Đ và Phan Văn P chở nhau trên xe mô tô biển số 29X3-1074 nên dừng phương tiện kiểm tra thì các đối tượng trên ném 01 gói nilon được hàn kín chứa chất bột màu trắng xuống mặt đường tại vị trí gần nơi dừng xe. Qua test nhanh chất ma túy, kết quả T2, Đ và P đều dương tính với ma túy đá (Methamphetamine), Cơ quan Công an đã lập biên bản vụ việc đồng thời thu giữ 01 gói nylon hàn kín chứa chất bột màu trắng (ký hiệu mẫu A) và các tài sản liên quan đến vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn T2, Nguyễn Minh Đ và Phan Văn P khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, vào tối ngày 13-7-2025 Nguyễn Minh Đ rủ Phan Văn P và Lê Văn T2 cùng góp tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng thì T2 và P đồng ý. Sau đó, Đ liên hệ qua số điện thoại 0933585950 cho người đàn ông tên Q (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy với số tiền 300.000đ và hẹn địa điểm giao dịch tại khu vực gần Bến xe V ở đường N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, P sử dụng xe mô tô nhãn hiệu FOTRE màu trắng, biển số 29X3-1074 chở Đ và T2 đến điểm hẹn trên thì Đ và T2 xuống xe chờ, còn P chạy xe về nhà lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Tại đây, T2 đưa cho Đ số tiền 300.000đ rồi ngồi chờ ở quán nước gần đó, Đ đi sang bên kia đường nhận ma tuý và trả tiền cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) rồi Đ đưa gói ma túy cho T2 cất giữ. Đến khi bị lực lượng Công an kiểm tra, T2 đã ném gói ma túy trên xuống đường nhằm phi tang.

Tại Bản Kết luận giám định số 799/KL-KTHS-MT ngày 18-7-2025 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Mẫu A khối lượng 0,1626 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 phong bì niêm phong vụ số 799/KL-KTHS-MT ngày 22-7-2025 của Phòng K Công an Thành phố H (là phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định).

- 01 điện thoại di động sam sung GALAXY S7 EDGE, màu đen, số IMEI 3543150868321711, số seri R58HB5BEFVP, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu VSMART bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu FOTRE màu trắng, biển số 29X3-1074, số khung RNAFCJ20461000743, số máy ZY151QMI06402794. Kết quả điều tra xác định chủ đăng ký sở hữu xe trên là chị Lý Thị Thu H. Kết quả xác minh chưa xác định được thông tin, địa chỉ của chị H. P khai mua chiếc xe trên của một người không rõ nhân thân, lai lịch; không làm thủ tục sang tên đổi chủ và đã rơi mất giấy chứng nhận đăng lý xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm kiếm chủ sở hữu đối với chiếc xe trên nhưng đến nay chưa có kết quả.

Các vật chứng nêu trên được chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 97/CT-VKSKV11 ngày 14-01-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Văn T2 và Phan Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ngày 06-02-2026, Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát theo Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 04/2026/HSST-QĐ để làm rõ lý do không trích lục được tiền án tiền sự của Phan Văn P và điều tra lại bởi các hành vi của các bị can có dấu hiệu cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" (phạm tội chưa đạt).

Ngày 25-02-2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 13/CV-VKSKV11 giữ nguyên quan điểm truy tố vụ án đối với các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Văn T2 và Phan Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

+ Về hình phạt, đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vụ số 799/KL-KTHS-MT ngày 22-7-2025 của Phòng K Công an Thành phố H (là phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định)

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động sam sung GALAXY S7 EDGE, màu đen, số IMEI 3543150868321711, số seri R58HB5BEFVP, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu VSMART bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu FOTRE màu trắng, biển số 29X3-1074, số khung RNAFCJ20461000743, số máy ZY151QMI06402794.

- Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14-7-2025, tại khu vực trước số nhà B H, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an phường V, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, phát hiện Lê Văn T2, Nguyễn Minh Đ và Phan Văn P có hành vi tàng trữ trái phép ma túy, qua giám định có khối lượng 0,1626 gam, loại Methamphetamine. Tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất khai số lượng ma túy nêu trên 03 bị cáo cùng chia nhau để sử dụng cá nhân.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Lê Văn T2 và Phan Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ của con người; đồng thời, đây còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc mua ma túy về cùng sử dụng. Như vậy, xác định vai trò của các bị cáo là ngang nhau, đều là người thực hành.

[4.2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Năm 2023, bị cáo Đ từng bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo Bản án số 302/2023/HS-ST ngày 25-10-2023, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22-10-2024, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2 và bị cáo P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Xét về nhân thân: Bị cáo T2 chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo P là người có nhân thân rất xấu, từng bị xử phạt 07 lần về hành vi "Cướp giật tài sản của công dân" và "Trộm cắp tài sản của công dân" là 01 lần về hành vi "Trốn trường (Giáo dưỡng, CSGD, CBLĐ)"; đến năm 2000, bị cáo P tiếp tục bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân về tội "Giết người" theo Bản án 1909/HSST ngày 18-7-2000, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30-12-2016. Ngày 28-10-2020 bị cáo P bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 362/QĐ-TA ngày của về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; tuy nhiên, bị cáo P không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, để đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy mà Nhà nước và xã hội đang ra sức thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm

cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cả 03 bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 03 bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 phong bì niêm phong vụ số 799/KL-KTHS-MT ngày 22-7-2025 của Phòng K Công an Thành phố H là phong bì chứa ma túy còn lại sau giám định nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động sam sung GALAXY S7 EDGE, màu đen, số IMEI 3543150868321711, số seri R58HB5BEFVP, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu VSMART bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng; các bị cáo sử dụng điện thoại trên để liên lạc rủ nhau mua ma túy sử dụng nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu FOTRE màu trắng, biển số 29X3-1074, số khung RNAFCJ20461000743, số máy ZY151QMI06402794; kết quả xác minh chị Lý Thị Thu H là chủ sở hữu chiếc xe trên nhưng không xác định được thông tin, địa chỉ của chị H; Cơ quan điều tra đã có văn bản truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả. Bị cáo P khai chiếc xe trên là của bị cáo, bị cáo mua của một người không rõ nhân thân, lai lịch và chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Xét thấy, xe mô tô nêu trên là phương tiện các bị cáo chở nhau để tìm nơi sử dụng ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] Các nội dung có liên quan khác: Về nguồn gốc số ma túy, Đ khai Đ liên hệ tới số điện thoại 0933585950 để mua của một người đàn ông tên Q (không rõ nhân thân lai lịch). Tuy nhiên, xác minh số điện thoại 0933585950 có thông tin chủ thuê bao là bà Hồ Thị H1, kết quả xác minh hiện bà H1 không sống tại nơi thường trú và chưa xác định được nơi ở hiện tại của bà H1. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-7-2025.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-7-2025.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-7-2025.

4. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong vụ số 799/KL-KTHS-MT ngày 22-7-2025 của Phòng K Công an Thành phố H.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động sam sung GALAXY S7 EDGE, màu đen, số IMEI 3543150868321711, số seri R58HB5BEFVP, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FOTRE màu trắng, biển số 29X3-1074, số khung RNAFCJ20461000743, số máy ZY151QMI06402794.

(Các vật chứng trên được Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 78/BB-PTHADS ngày 03-02-2026).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TPHCM;
- CQ THAHS Công an TPHCM;
- PC10 Công an TPHCM;
- PV06 Công an TPHCM;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng-Trại tạm giam số 01-CATPHCM;
- VKSND KV11-TPHCM;
- Phòng THADS KV11-TPHCM;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên